

Bản án số: 320/2018/DS-PT
Ngày: 27/3/2018
V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phan Thị Tú A**

Các Thẩm phán: 1. Ông **Dương Tuấn A1**

2. Bà **Vũ Thị Thu A2**

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Nguyễn Hữu A3 - cán bộ Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Bà **Đào Thị Xuân A4**, Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2018 tại phòng xử án Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 607/DSPT ngày 09/11/2017 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 701/2017/DS-ST ngày 28/9/2017 của Tòa án nhân dân quận G, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo; Viện trưởng viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ chí Minh kháng nghị.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3092/2017/QĐPT-DS ngày 19 tháng 12 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 1046/2018/QĐ-PT ngày 18/01/2018 giữa:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1977 (Có mặt)

Địa chỉ: 219D Đường số 1, phường L, quận L1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Bà Trần Thị Thu C, sinh năm 1985 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số nhà 3A/D9 Q, phường G1, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Văn D sinh năm 1972 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 219D, đường số 1, phường L1, quận L, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện ủy quyền: Bà Nguyễn Thị B theo giấy ủy quyền số 016521, quyền

số 116/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 01/8/2017 (Có mặt)

2. Ông Nguyễn Thành Đ, sinh năm 1986 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: số nhà 1724/3^E, Phường P1, Quận P2, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 27/3/2017 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên Tòa nguyên đơn bà B trình bày: Bà Trần Thị Thu C là em dâu của bà, trước khi xảy ra sự việc vay nợ, bà và C có tình cảm chị em rất tốt, vì thế trong quá trình chung sống với em trai bà, bà C đã nhiều lần mượn tiền bà, nói là để làm ăn. Vì bà cũng muốn tạo điều kiện cho C nên đã nhiều lần chuyển tiền qua ngân hàng vào tài khoản, cũng như giao tiền mặt cho C tổng cộng số tiền là 710.000.000 (Bảy trăm mười triệu) đồng, nhưng càng lúc bà càng thấy C mượn tiền thêm mà không trả. Sau nhiều lần hứa hẹn không trả, đến ngày 28/10/2016 bà yêu cầu bà C phải ghi biên nhận mượn tiền. Thời điểm C và Đ sống chung với nhau hàng ngày cả hai vợ chồng đều đến nhà bà từ sáng tới tối mới về nhà ngủ, khoảng một năm trước khi ly hôn thì bà nghe C nói là đi coi cửa hàng cho má nuôi của C, thực chất sự việc này có hay không bà không tận mắt chứng kiến, khi cho C mượn tiền bà giấu em bà (là Đ chồng của C) nên Đ không hay biết gì về khoản nợ này. Nay bà yêu cầu bà C phải trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật cho vợ chồng bà số tiền 710.000.000 (Bảy trăm mười triệu) đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật phát sinh từ tháng 11/2016 đến ngày xét xử. Bà không yêu cầu ông Đ cùng có trách nhiệm trả nợ.

Bị đơn bà Trần Thị Thu C Trình bày: Đúng là bà có ký giấy biên nhận mượn tiền của bà B số tiền là 710.000.000 (Bảy trăm mười triệu) đồng, chữ viết và chữ ký trong biên nhận mượn tiền đều là của bà. Thực chất bà chỉ vay của bà B số tiền 150.000.000 (Một trăm năm mươi triệu) đồng để cho ba nuôi của bà, trong số tiền 150.000.000 (Một trăm năm mươi triệu) đồng này bà đã đưa cho ông Đ trả bà Cúc 70.000.000 (Bảy mươi triệu) đồng, đến nay bà chỉ còn nợ bà B là 80.000.000 (Tám mươi triệu) đồng. Còn việc bà ký giấy nợ 710.000.000 (Bảy trăm mười triệu) đồng số tiền này bà không vay mượn gì của bà B mà do trong cuộc sống tình cảm gia đình bà rất tin tưởng bà B, thời điểm đó bà đã phát sinh tình cảm với ba nuôi của bà, bà B cũng biết. Thời điểm này bà C đã dùng giấy tờ nhà của mẹ mình để vay nóng cho ông ba nuôi mượn tiền, mẹ của C biết được bà rất giận, bắt C phải chuộc giấy tờ nhà về, nhưng C không có tiền. Lúc này bà B nói bà C ghi biên nhận mượn tiền cho bà B để làm áp lực với ông ba nuôi của bà C, xem ông này có thương yêu bà

thực sự không, nếu ông ấy thương yêu thực sự thì sẽ trả tiền để bà chuộc nhà cho mẹ. Sự việc này sau đó bà Cúc cũng không gặp ba nuôi của bà C để xử lý. Bà C thắc mắc với bà B, có phải chị kêu em ký giấy nhận nợ để để làm áp lực và thủ cho Đ sau này không, bà B trả lời chủ yếu để đưa cho ba nuôi bà xem, ông ấy thương bà thiệt tình thì bán xe trả nợ cho bà. Bà B là chị chồng, biết bà có người đàn ông khác thì không thể cho bà mượn một số tiền lớn như vậy. Do đây không phải là khoản nợ bà vay mà thực chất sự việc như bà đã trình bày ở trên, nên cũng không phải là nợ riêng hay nợ chung của bà và ông Nguyễn Thành Đ. Giấy trắng mực đen, bà quá tin tưởng bà B nên ghi giấy nợ. Giấy nợ này bà ký trong thời kỳ hôn nhân nên bà C đồng ý chịu trách nhiệm trả một nửa số nợ, một nửa số nợ còn lại ông Đ phải có trách nhiệm trả, vì vợ chồng sống chung, làm ăn chung ông Đ đều biết. Công việc chính của vợ chồng bà lúc còn sống chung là kinh doanh quần áo bắt đầu từ cuối năm 2013, bà đi tìm khách hàng có mối đặt hàng rồi bà tìm xưởng gia công làm, sau đó giao lại cho khách, bà làm việc này không cần vốn nhiều, có khách đặt mua của bà thì họ phải đặt cọc, bà lấy tiền cọc đặt cho xưởng và công việc xong rồi mới trả hết tiền. Còn việc bà B nói bà và ông Đ thường xuyên đến nhà bà B chơi là có, vì nhà bà và nhà bà B gần nhau. Bà C không thích nấu ăn nên qua nhà bà B góp tiền nấu cơm chung.

Ông D và người đại diện của ông D trình bày: Vợ ông là bà Nguyễn Thị B có cho bà Trần Thị C vay nhiều lần, khi thì giao tiền mặt, khi thì chuyển khoản cho bà C tổng cộng số tiền là 710.000.000 (Bảy trăm mười triệu) đồng, vợ ông cho bà C vay về có nói lại với ông. Nay ông yêu cầu một mình bà C có trách nhiệm trả số nợ trên cả gốc và lãi theo quy định của pháp luật từ tháng 11/2016 đến ngày xét xử cho vợ chồng ông ngay một lần khi bản án có hiệu lực pháp luật, ông không yêu cầu ông Đ có trách nhiệm trả nợ vì thực tế khi cho bà C vay tiền ông Đ không hay biết.

Ông Đ trình bày: Việc bà C có vay của bà Cúc số tiền 710.000.000 (Bảy trăm mười triệu) đồng ông không hay biết, bà C vay không bàn bạc với ông, bà C vay cho ai, làm gì ông cũng không biết do đó ông không đồng ý cùng có trách nhiệm trả nợ số nợ trên với bà C.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 701/2017/DS - ST ngày 28 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị B với bị đơn bà Trần Thị Thu C.

Buộc bà Trần Thị Thu C có trách nhiệm trả nợ cho bà Nguyễn Thị B, ông Nguyễn Văn D số tiền cả gốc và lãi 761.652.500 (Bảy trăm sáu mươi một triệu sáu

trăm năm mươi hai nghìn năm trăm) đồng ngay một lần khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 05/10/2017, Bà Trần Thị Thu C có đơn kháng cáo với nội dung bà không đồng ý trả tiền nợ 710.000.000 (Bảy trăm mười triệu) đồng mà chỉ chấp nhận trả một nửa số tiền nợ này.

Ngày 26/10/2017, Viện Trưởng viện Kiểm sát nhân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành quyết định số 73/QĐKNPT-VKS-DS kháng nghị bản án số 701/2017/DS-ST ngày 28/9/2017 của Tòa án nhân dân quận G.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn đề nghị giữ nguyên án sơ thẩm.

Bị đơn – bà Trần Thị Thu C vắng mặt không có lý do mặc dù Toà án đã triệu tập lần thứ hai căn cứ theo Khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử và các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ phần kháng cáo do bị đơn vắng mặt hai lần mặc dù đã tổng đạt hợp lệ theo quy định pháp luật. Chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

Xét yêu cầu kháng cáo của bà C làm trong hạn luật định là hợp lệ. Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà bà Trần Thị Thu C vắng mặt không có lý do. Căn cứ theo khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, đình chỉ phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của bà Thuỷ.

Về yêu cầu kháng nghị của Viện Trưởng viện Kiểm sát nhân Thành phố Hồ Chí Minh.

Xét thấy: Việc vay mượn tiền giữa Bà Nguyễn Thị B và bà Trần Thị Thu C theo biên nhận mượn tiền ngày 28/10/2016 thể hiện thời hạn vay 30 ngày không có thỏa thuận lãi suất nên thuộc trường hợp vay có thời hạn không có lãi. Tòa cấp sơ thẩm buộc bị đơn trả lãi suất chậm trả là chưa chính xác, căn cứ khoản 4 điều 474 Bộ Luật dân sự 2005 thì bên vay phải trả lãi đối với khoản nợ chậm trả theo lãi suất cơ bản do ngân hàng nhà nước công bố tương ứng với thời hạn chậm trả tại thời

điểm trả nợ, nếu có thỏa thuận. Vì vậy cần sửa án sơ thẩm theo hướng không tính lãi chỉ trả tiền nợ là 710.000.000 (Bảy trăm mười triệu) đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của bị đơn, sửa án sơ thẩm. Như đã phân tích trên, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ chấp nhận.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Do sửa án sơ thẩm, căn cứ Khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án; bà Thủy phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 3 Điều 296, Khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 474 của Bộ luật dân sự năm 2005; khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án:

1. Đình chỉ phúc thẩm yêu cầu kháng cáo của bà Trần Thị Thu C. Chấp nhận kháng nghị của Viện Trưởng Viện kiểm sát nhân Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 701/2017/DS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Buộc bà Trần Thị Thu C có trách nhiệm trả nợ cho bà Nguyễn Thị B, ông Nguyễn Văn D số tiền là 710.000.000 (Bảy trăm mười triệu) đồng ngay một lần khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ khi bà B, ông D có đơn yêu cầu thi hành án. Bà C chưa thi hành số tiền nêu trên thì hàng tháng bà C còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành.

3. Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn nên bà B không phải chịu án phí, được hoàn lại số tiền 16.900.000 (Mười sáu triệu chín trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2016/0018228 ngày 11/4/2017 của Chi cục thi hành án dân sự quận G. Bà C phải chịu án phí 32.400.000 (Ba mươi hai triệu bốn trăm nghìn) đồng.

4. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Trần Thị Thu C phải nộp án phí dân sự phúc thẩm 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được căn trừ vào tiền tạm ứng án phí kháng cáo bà C đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/0027547 của Chi cục thi

hành án dân sự Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. Sau khi cân trù bà C đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014), thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.Hồ Chí Minh;
- VKSND Cấp cao tại TP.Hồ Chí Minh;
- VKSND TP.HCM;
- TAND quận G;
- Chi cục THADS quận G;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ. (T28)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Tú A